

Số: 1571/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 07 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v chi trợ cấp xã hội cho sinh viên HKI năm học 2024-2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Căn cứ Quyết định số 155/CP, ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT, ngày 24/03/2021 của Hội đồng trường Trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Thông tư Liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo công lập;

Xét hồ sơ chính sách của sinh viên học kỳ I năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác Chính trị và Sinh viên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chi tiền trợ cấp xã hội HKI năm học 2024-2025 cho 138 sinh viên (có danh sách kèm theo), tổng số tiền là 138.000.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn).

**Điều 2.** Trường phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, Trường phòng Kế hoạch Tài chính, các trường đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách ghi ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.CTCTSV.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Trương Thị Trung*





Phụ lục I

DANH SÁCH TRỢ CẤP XÃ HỘI HKI NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số: 1571/QĐ-ĐHNT ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

ĐVT: VN đồng

| STT | Mã SV    | Họ và Tên            | Ngày sinh  | Lớp        | Đối tượng     | Mức HB TCXH<br>01 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>06 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>01 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Mức HB TCXH<br>05 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Tổng cộng |
|-----|----------|----------------------|------------|------------|---------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|
|     | Khóa 63  |                      |            |            |               |                                          |                                          |                                            |                                            |           |
| 1   | 63132399 | Thiên Thị Hồng Nhi   | 27-09-2003 | 63.CNTP-1  | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 2   | 63133670 | Phú Thị Đạt          | 10-11-2003 | 63.TCNH-2  | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 3   | 63133730 | Trương Thị Thu Dự    | 06-03-2003 | 63.TCNH-1  | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 4   | 63134366 | Phú Trung Kiên       | 22-12-2003 | 63.DDT-2   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 5   | 63135845 | Đồng Gia Trí         | 03-08-2003 | 63.DDT-1   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 6   | 63134547 | Nào Anh Lực          | 26-12-2001 | 63.NTTS-CN | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 7   | 63130063 | Thành Quốc Anh       | 19-05-2003 | 63.DDT-2   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 8   | 63135748 | Bá Văn Toàn          | 10-07-2003 | 63.NTTS-KS | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 9   | 63131120 | Đặng Năng Quý        | 20-07-2002 | 63.DDT-1   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 10  | 63132048 | Trương Xuân Hiệp     | 25-10-2003 | 63.NTTS-KS | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 11  | 63135930 | Lưu Quốc Trung       | 03-09-2003 | 63.NTTS-CN | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 12  | 63131991 | Lương Thị Gim        | 09-01-2003 | 63.NTTS-KS | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 13  | 63130592 | Đồng Thị Ngọc Khuyến | 28-05-2003 | 63.TCNH-3  | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 14  | 63136334 | Trương Anh Vũ        | 14-07-2003 | 63.DDT-1   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 15  | 63135322 | Sử Hoàng Sang        | 17-02-2003 | 63.DDT-1   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 16  | 63132338 | Thiên Xuân Nghĩa     | 08-03-2003 | 63.DDT-1   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 17  | 63132247 | Mã Thạch Lực         | 20-10-2003 | 63.XDCTGT  | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 18  | 63132544 | Hán Thị Sôni         | 21-07-2003 | 63.QLTS    | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 19  | 63132581 | Thập Nữ Thủy Thanh   | 22-01-2003 | 63.NTTS-CN | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |



| STT | Mã SV    | Họ và Tên       | Ngày sinh | Lớp        | Đối tượng  | Mức HB TCXH<br>01 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>06 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>01 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Mức HB TCXH<br>05 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Tổng cộng |           |
|-----|----------|-----------------|-----------|------------|------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|-----------|
| 20  | 63133202 | Thập Nữ Thanh   | Thúy      | 22-01-2003 | 63.NTTS-CN | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 21  | 63134747 | Quảng Thị Kim   | Ngân      | 03-02-2003 | 63.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 22  | 63135629 | Nguyễn Ngọc Mỹ  | Thuận     | 23-01-2003 | 63.TCNH-3  | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 23  | 61133040 | Đặng Thị        | Đào       | 06-09-2001 | 63.NNA-SN  | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 24  | 63133197 | Kiều Bằng       | Tâm       | 25-09-2003 | 63.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 25  | 63134979 | Hồ Ngọc Khánh   | Như       | 06-01-2003 | 63.HTTT    | Mở cõi cha mẹ                            | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 26  | 63135927 | Bùi Chí         | Trung     | 28-03-2003 | 63.NNA-BP1 | Mở cõi cha mẹ                            | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 27  | 63132221 | Nguyễn Thị Thúy | Linh      | 16-09-2003 | 63.NNA-DL2 | Mở cõi cha mẹ                            | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 28  | 63135990 | Nguyễn Thanh    | Tùng      | 17-09-2003 | 63.CNTP-2  | Mở cõi cha mẹ                            | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 29  | 63133324 | Lương Thị       | Thúy      | 01-04-2002 | 63.QTDLP   | Mở cõi cha mẹ                            | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 30  | 63134443 | Đặng Huyền      | Linh      | 11-12-2003 | 63.KDTM-1  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt         | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 31  | 63134095 | Lê Thị Tuyết    | Hồng      | 24-10-2003 | 63.QTKS-1  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt         | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 32  | 63136144 | Phạm Minh       | Vương     | 20-01-2003 | 63.KHHH-1  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt         | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 33  | 63134835 | Dương Thị Mỹ    | Nguyễn    | 20-08-2003 | 63.KT-2    | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt         | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 34  | 63131129 | Đặng Hoài Mỹ    | Quỳn      | 16-09-2003 | 63.KT-2    | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt         | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 35  | 63132611 | Võ Thị Thanh    | Thảo      | 22-05-2003 | 63.TCNH-3  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt         | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
|     | Khóa 64  |                 |           |            |            |                                          |                                          |                                            |                                            |           |           |
| 36  | 64133435 | Lưu Thị Kim     | Liên      | 30-06-2003 | 64.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 37  | 64130161 | Thiên Thị Như   | Bình      | 27-04-2004 | 64.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 38  | 64131187 | Trương Nữ Khánh | Linh      | 02-09-2004 | 64.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 39  | 64132064 | Thành           | Son       | 05-05-2004 | 64.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 40  | 64132759 | Miêu Văn        | Trung     | 22-05-2004 | 64.NTTS-CN | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |



| STT | Mã SV    | Họ và Tên         | Ngày sinh  | Lớp        | Đối tượng                        | Mức HB TCXH<br>01 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>06 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>01 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Mức HB TCXH<br>05 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Tổng cộng |
|-----|----------|-------------------|------------|------------|----------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|
| 41  | 64130750 | Sư Thị Ngọc       | 24-11-2004 | 64.NTTS-CN | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 42  | 64130687 | Đàng Nữ Ngọc Xuân | 20-04-2004 | 64.NTTS-CN | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 43  | 64133197 | Trương Thị Hồng   | 26-07-2004 | 64.NTTS-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 44  | 64131459 | Từ Thị Kim        | 20-05-2004 | 64.NTTS-CN | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 45  | 64131324 | Thuận Thị Kim     | 24-10-2004 | 64.NTTS-CN | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 46  | 64131745 | Bá Thùy           | 10-04-2004 | 64.NTTS-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 47  | 64130148 | Hải Thị Thanh     | 26-01-2004 | 64.NTTS-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 48  | 64132096 | Tài Duy           | 19-08-2004 | 64.NTTS-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 49  | 64130353 | Nguyễn Kim        | 02-07-2004 | 64.KHHH-2  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 50  | 64133264 | Nguyễn Thị Thu    | 05-02-2004 | 64.NTTS-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 51  | 64130231 | Lộ Thành Mộng     | 01-04-2004 | 64.MARKT-1 | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 52  | 64132345 | Hân Văn           | 10-01-2004 | 64.NTTS-MP | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 53  | 64132104 | Trương Nữ Linh    | 22-05-2004 | 64.NTTS-CN | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 54  | 64133209 | Hân Thị Sóng      | 17-04-2003 | 64.NTTS-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 55  | 64133155 | Kiều Thị Phương   | 02-02-2004 | 64.QLSK-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 56  | 64131525 | Trương Thị Kim    | 21-12-2004 | 64.NTTS-CN | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 57  | 64132951 | Hồ Thủy           | 03-08-2004 | 64.NNA-GD  | Mồ côi cha mẹ                    | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 58  | 64132593 | Võ Hoàng Bảo      | 05-08-2004 | 64.TCNH-1  | Mồ côi cha mẹ                    | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 59  | 64132136 | Trần Thanh        | 24-10-2002 | 64.KHHH-2  | Mồ côi cha mẹ                    | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 60  | 64131157 | Lê Thị Phương     | 25-12-2003 | 64.KDTM-1  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 61  | 64130654 | Trần Thị          | 19-06-2004 | 64.KIT     | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 62  | 64130141 | Phan Thị Hồng     | 13-07-2004 | 64.NNA-SN  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |



| STT | Mã SV    | Họ và Tên        | Ngày sinh | Lớp        | Đội tượng  | Mức HB TCXH<br>01 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>06 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>01 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Mức HB TCXH<br>05 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Tổng cộng |           |
|-----|----------|------------------|-----------|------------|------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|-----------|
| 63  | 64130688 | Nguyễn Hàn       | Hoa       | 04-10-2004 | 64.KT-1    | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt         | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 64  | 64132101 | Trần Thị         | Tâm       | 31-07-2004 | 64.MARKT-1 | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt         | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 65  | 64131877 | Nguyễn Thị Thanh | Phượng    | 24-04-2004 | 64.MARKT-2 | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt         | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
| 66  | 64132321 | Hồ Thị Minh      | Thoa      | 05-07-2004 | 64.CNHH    | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt         | 100.000                                  | 600.000                                    | 80.000                                     | 400.000   | 1.000.000 |
|     | Khóa 65  |                  |           |            |            |                                          |                                          |                                            |                                            |           |           |
| 67  | 65132520 |                  | Nhỏ       | 08-08-2005 | 65.CNOT-3  | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 68  | 65132521 |                  | Nhơn      | 08-08-2005 | 65.CNOT-1  | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 69  | 65134378 | Châu Thọ Khánh   | Vy        | 19-05-2005 | 65.KHHH-1  | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 70  | 65132790 | Kiều Nữ Như      | Phượng    | 27-08-2005 | 65.TTQL-2  | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 71  | 65130736 | Ngư Thị Khánh    | Hà        | 05-05-2005 | 65.NTTS-CN | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 72  | 65130565 | Y Ly             | Dung      | 10-08-2005 | 65.QTKD-1  | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 73  | 65130583 | Vạn Thị Thu      | Được      | 20-08-2004 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 74  | 65131977 | Vạn Nữ Tuyết     | Minh      | 23-03-2005 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 75  | 65133029 | Đào Thị Kim      | Sáng      | 13-01-2005 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 76  | 65130724 | Lương Thị        | Giàu      | 27-01-2005 | 65.KT-2    | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 77  | 65132350 | Dương Thị Xuân   | Nhã       | 07-04-2005 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 78  | 65131641 | Đồng Chế Mỹ      | Lan       | 25-05-2005 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 79  | 65130523 | Nại Thị Mỹ       | Du        | 19-07-2005 | 65.NTTS-CN | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 80  | 65130481 | Trương Thị Hoàng | Diệu      | 12-09-2005 | 65.NTTS-CN | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 81  | 65133010 | Châu Hoàn Ny     | Sa        | 03-04-2005 | 65.KT-3    | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 82  | 65132615 | Đạt Ngọc         | Nữ        | 04-08-2004 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |
| 83  | 65130364 | Nguy Nử Ngọc     | Dăng      | 19-05-2003 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                            | 140.000                                  | 840.000                                    | 32.000                                     | 160.000   | 1.000.000 |



| STT | Mã SV    | Họ và Tên        | Ngày sinh  | Lớp        | Đối tượng                        | Mức HB TCXH<br>01 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>06 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>01 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Mức HB TCXH<br>05 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Tổng cộng |
|-----|----------|------------------|------------|------------|----------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|
| 84  | 65131024 | Bích Nhụy Mỹ Hoa | 01-08-2005 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 85  | 65134537 | Đàng Thu         | 30-08-2004 | 65.CNSH    | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 86  | 65132767 | Đàng Hữu         | 13-03-2005 | 65.DDT-1   | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 87  | 65133816 | Thiên Nữ Huyền   | 20-08-2005 | 65.QLTS    | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 88  | 65132856 | Vạn Hồng         | 29-07-2004 | 65.CNXD-2  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 89  | 65134270 | Nại Thành Khải   | 04-08-2005 | 65.NTTS-CN | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 90  | 65134122 | Quảng Chi        | 15-07-2003 | 65.NTTS-CN | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 91  | 65134065 | Bá Anh           | 15-01-2005 | 65.NTTS-MP | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 92  | 65134284 | Não Minh         | 06-02-2005 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 93  | 65134180 | Bá Thị Mỹ        | 21-01-2005 | 65.KT-2    | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 94  | 65134538 | Phú Thị Mỹ       | 19-08-2004 | 65.KT-1    | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 95  | 65132290 | Hán Thị Xuân     | 14-10-2005 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 96  | 65131250 | Từ Nữ Ngọc       | 29-06-2005 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 97  | 65131255 | Bình Thanh       | 07-08-2005 | 65.NTTS-KS | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 98  | 65131928 | Tải Trung        | 08-06-2005 | 65.CNOT-3  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 99  | 65130961 | Quảng Thị Kim    | 19-06-2004 | 65.CNTT-4  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 100 | 65131679 | Đạo Kho          | 25-05-2005 | 65.DDT-2   | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 101 | 65134505 | Thiều Xuân       | 30-05-2005 | 65.TTQL-2  | Mồ côi cha mẹ                    | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 102 | 65131247 | Trần Thị Thu     | 10-05-2005 | 65.TCNH-1  | Mồ côi cha mẹ                    | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 103 | 65133141 | Đào Duy          | 07-12-2005 | 65.CNTT-1  | Khuyết tật trên 41%              | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 104 | 65132176 | Trần Thu         | 27-08-2005 | 65.KIT     | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 105 | 65132084 | Huỳnh Thị Việt   | 09-12-2005 | 65.KHHH-3  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |



| STT | Mã SV    | Họ và Tên              | Ngày sinh  | Lớp        | Đôi tượng                        | Mức HB TCXH<br>01 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>06 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>01 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Mức HB TCXH<br>05 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Tổng cộng |
|-----|----------|------------------------|------------|------------|----------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|
| 106 | 65132736 | Lê Nguyễn Diễm Phúc    | 02-05-2005 | 65.CNTP-1  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 107 | 65132143 | Nguyễn Thị Kim Ngân    | 02-09-2005 | 65.MARKT-1 | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 108 | 65131234 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 10-10-2005 | 65.CNTP-3  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 109 | 65131479 | Nguyễn Hoàng Khiêm     | 07-05-2005 | 65.NNA-1   | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 110 | 65134262 | Huỳnh Thị Kim Vân      | 09-06-2005 | 65.QTKD-1  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 111 | 65131146 | Từ Văn Hoàng           | 01-12-2005 | 65.NTTS-KS | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 112 | 65132213 | Trương Công Nghĩa      | 20-10-2005 | 65.TCNH-1  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 113 | 65130725 | Bùi Phạm Khánh Hà      | 22-03-2005 | 65.KHHH-3  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 114 | 65132747 | Nguyễn Vũ Hồng Phúc    | 17-01-2005 | 65.NNA-3   | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
| 115 | 65134563 | Huỳnh Phú Dầu          | 20-05-2005 | 65.QTKD-2  | Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000 |
|     | Khóa 66  |                        |            |            |                                  |                                          |                                          |                                            |                                            |           |
| 116 | 66133770 | Cao Thị Thu Thủy       | 27-09-2006 | 66.QTDL-2  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 117 | 66133759 | Chu Thị Thanh Thủy     | 22-12-2006 | 66.CNTP-3  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 118 | 66130456 | Mẫu Gia Đạt            | 17-03-2006 | 66.LUAT-1  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 119 | 66130746 | Cao Hoàng Giang        | 09-09-2006 | 66.CNXD-1  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 120 | 66130335 | Triệu Văn Chính        | 22-09-2006 | 66.CNTP-2  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 121 | 66130819 | Phú Văn Hải            | 10-09-2006 | 66.CNXD-1  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 122 | 66133924 | Cao Bảo Ngọc Thủy Trâm | 02-06-2006 | 66.LUAT-2  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 123 | 66131814 | Nguyễn Thị Diệu Linh   | 30-07-2006 | 66.KTP-2   | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 124 | 66131575 | Dương Bình Anh Khoa    | 24-04-2006 | 66.DDT-1   | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 125 | 66130559 | Lý Văn Đoàn            | 09-01-2006 | 66.CNTP-3  | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |
| 126 | 66130570 | Lưu Đức Dư             | 10-03-2006 | 66.DDT-1   | DTTS vùng cao                    | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000 |



| STT        | Mã SV    | Họ và Tên          | Ngày sinh | Lớp         | Đối tượng     | Mức HB TCXH<br>01 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>06 tháng (theo<br>chế độ) | Mức HB TCXH<br>01 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Mức HB TCXH<br>05 tháng<br>(Trường hỗ trợ) | Tổng cộng   |
|------------|----------|--------------------|-----------|-------------|---------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------|
| 127        | 66131706 | Ma Seo             | Kỳ        | 66.CDT-2    | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000   |
| 128        | 66131288 | Nguyễn Thiên Quỳnh | Hương     | 66.TCNH-3   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000   |
| 129        | 66132723 | Quảng Nữ Hồng      | Phấn      | 66.TCNH-3   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000   |
| 130        | 66131968 | Trương Thị Mỹ      | Ly        | 66.CNTP-1   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000   |
| 131        | 66130321 | Châu Thị Thanh     | Đình      | 66.TCNH-2   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000   |
| 132        | 66133236 | Sầm Thị Mai        | Sương     | 66.CNTP-2   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000   |
| 133        | 66131195 | Cao Thị Mỹ         | Huệ       | 66.KT-1     | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000   |
| 134        | 66132156 | Cầm Cao Hà Bích    | Ngân      | 66.QTDL-3   | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000   |
| 135        | 66132154 | Cao Thị Trúc       | Ngai      | 66.QTDL-CLC | DTTS vùng cao | 140.000                                  | 840.000                                  | 32.000                                     | 160.000                                    | 1.000.000   |
| 136        | 66134354 | Nguyễn Thị Thanh   | Tuyền     | 66.KT-1     | Mồ côi cha mẹ | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000   |
| 137        | 66134429 | Trần Sơn Lê        | Uyên      | 66.KHTS     | Mồ côi cha mẹ | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000   |
| 138        | 66131331 | Lê Công            | Huy       | 66.KTPT-2   | Mồ côi cha mẹ | 100.000                                  | 600.000                                  | 80.000                                     | 400.000                                    | 1.000.000   |
| Tổng cộng: |          |                    |           |             |               | 106.560.000                              |                                          |                                            | 31.440.000                                 | 138.000.000 |

(Danh sách bao gồm 138 SV)

Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn.

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG CTCT&SV

*[Signature]*

NGƯỜI LẬP BẢNG

*[Signature]*

Đỗ Quốc Việt

Trần Thị Thủy Dương  
Kiểm tra số dư hiện  
còn lại đang chờ số tổng  
*[Signature]*

*Trang Sĩ Trung*



